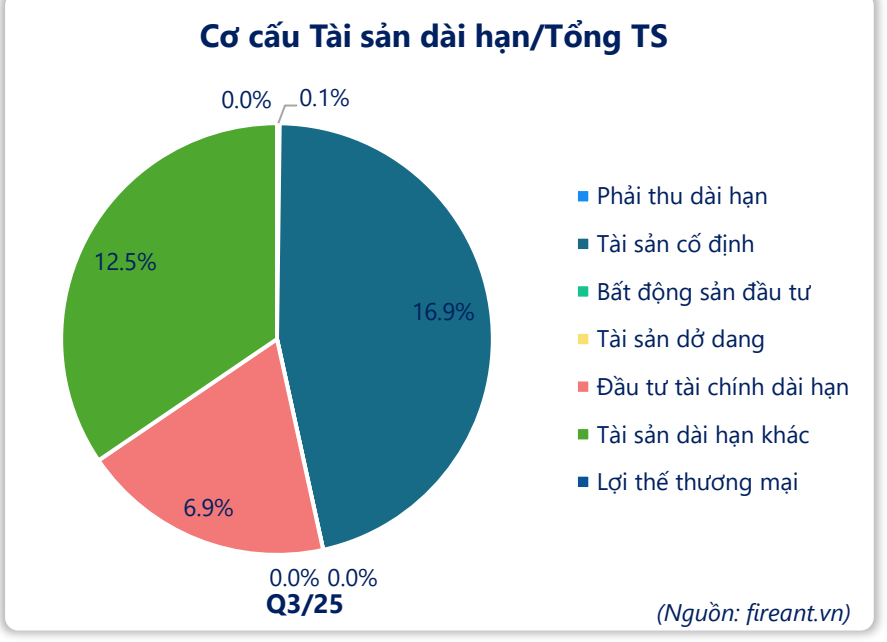
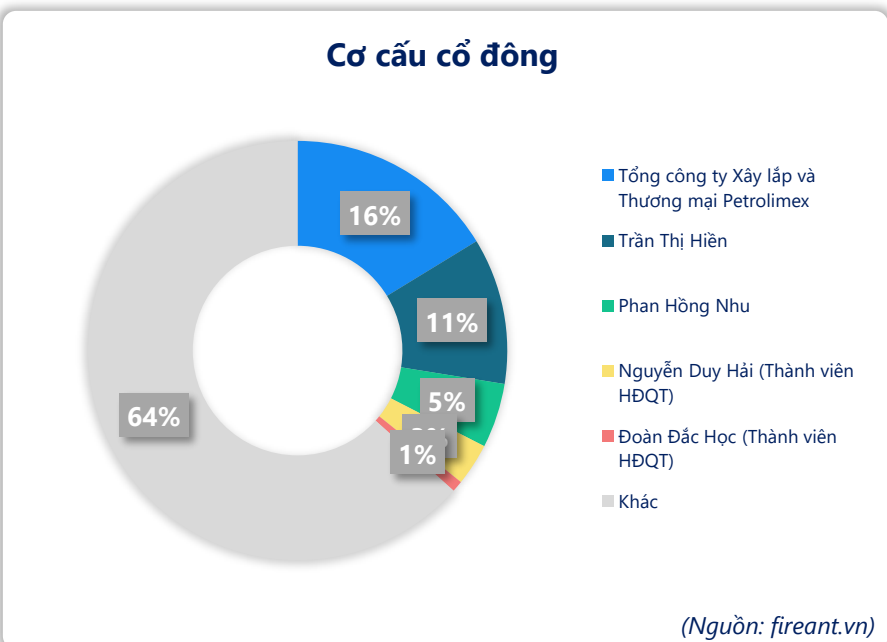
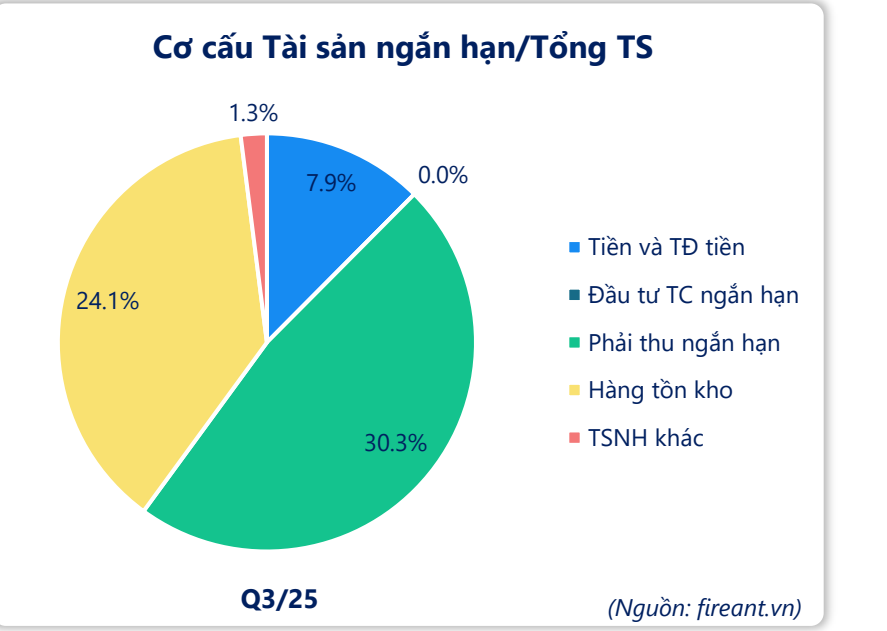
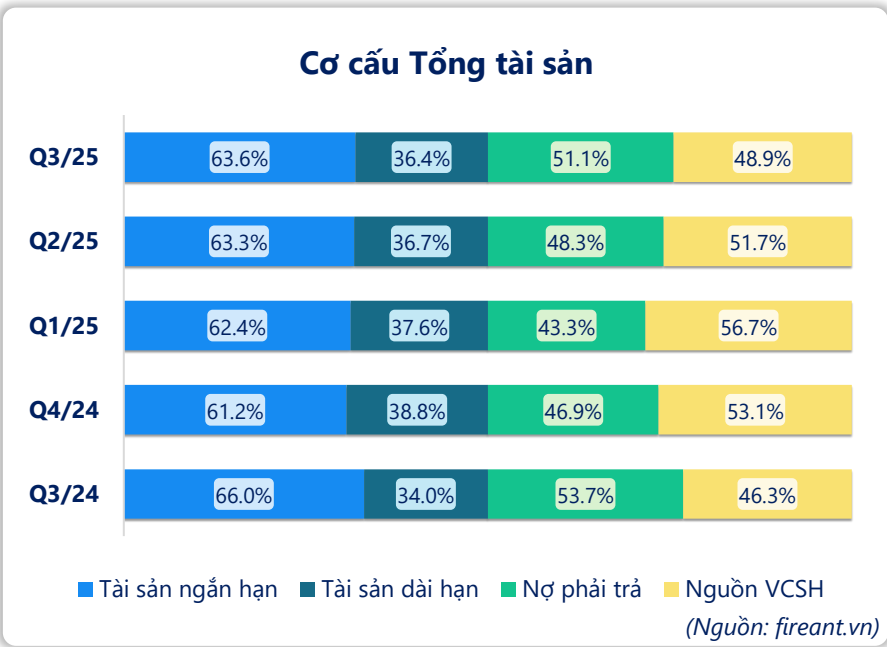
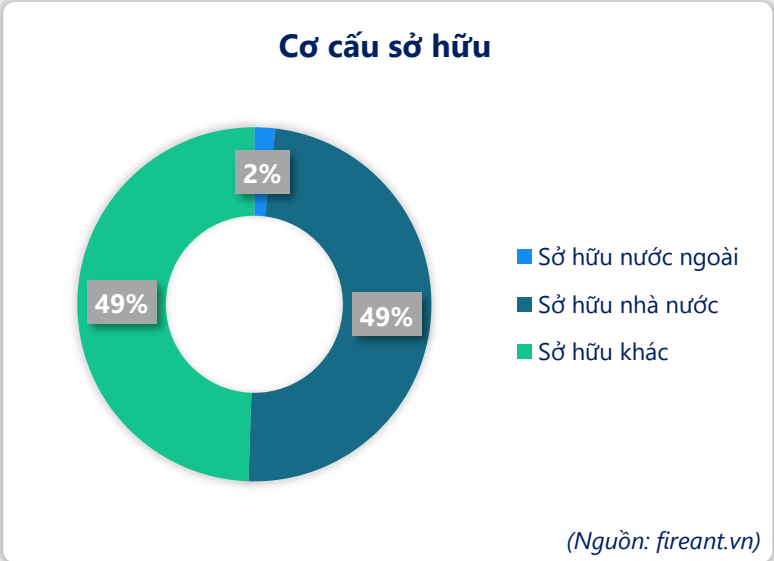
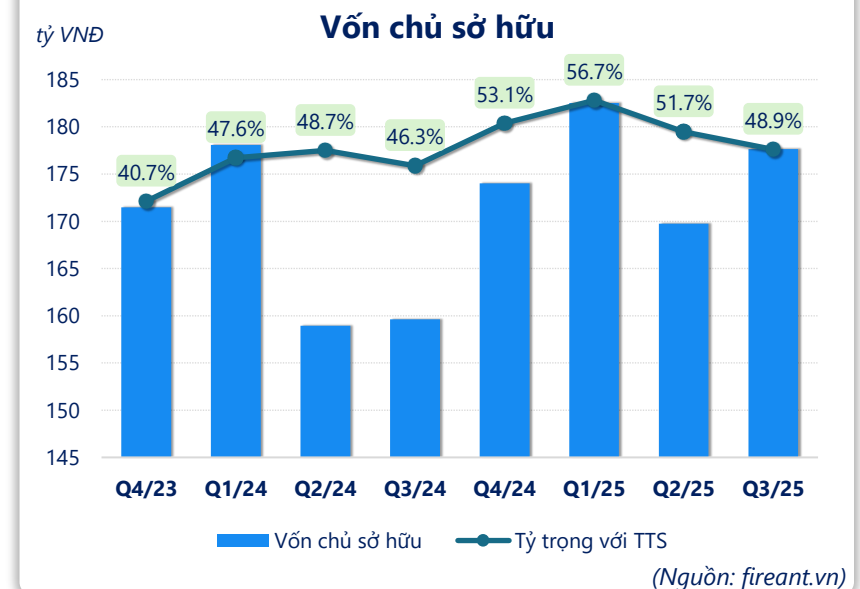
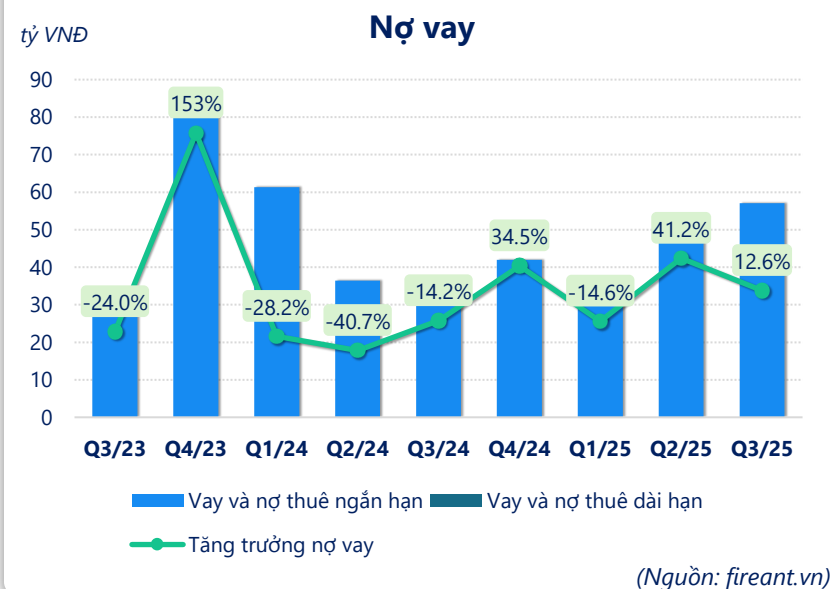
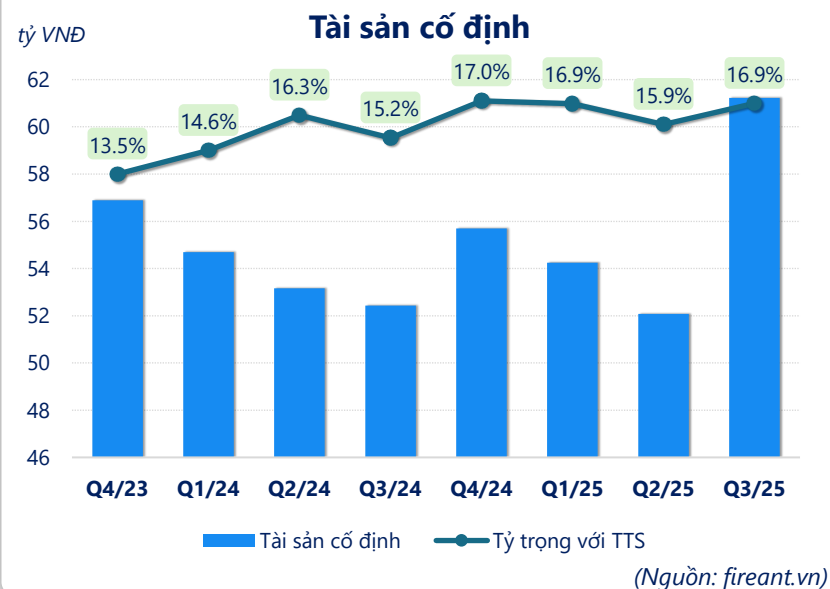
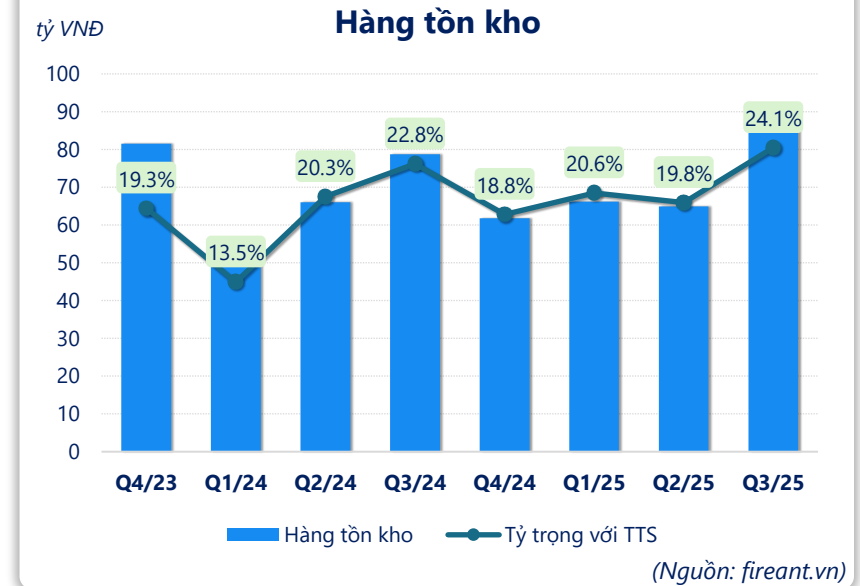
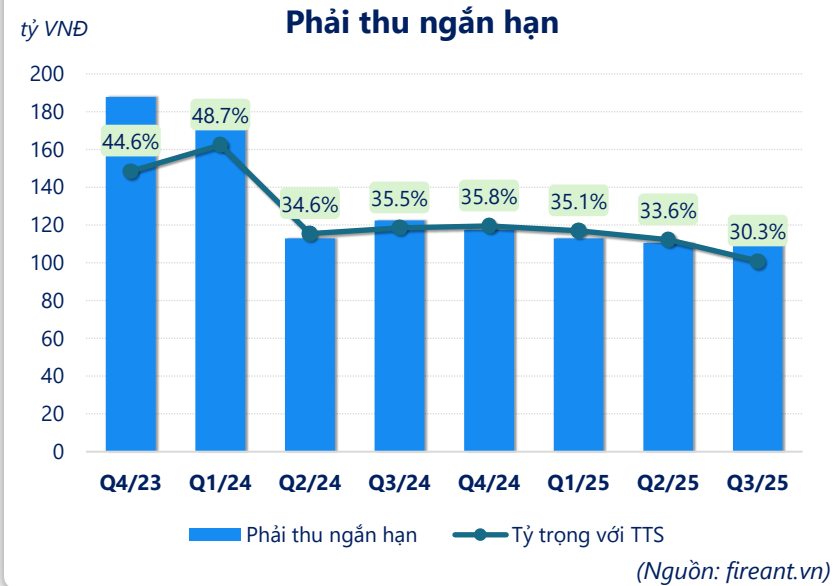
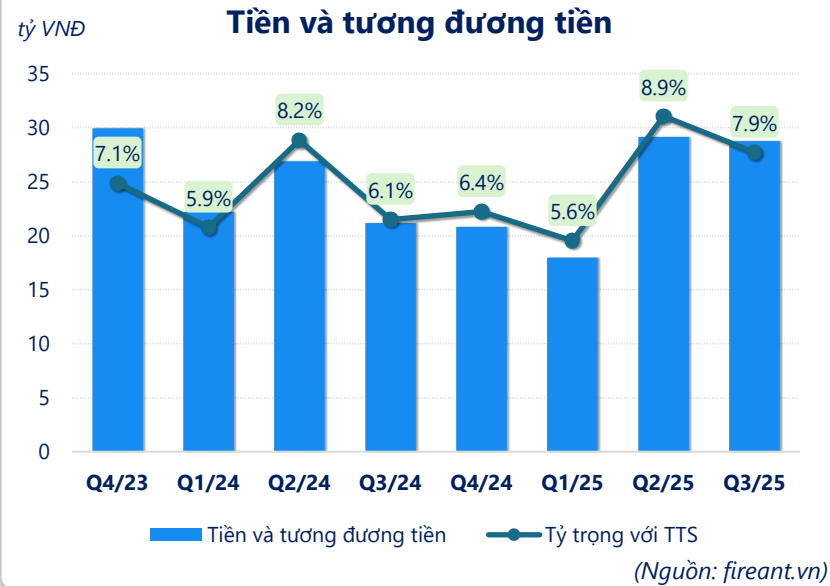
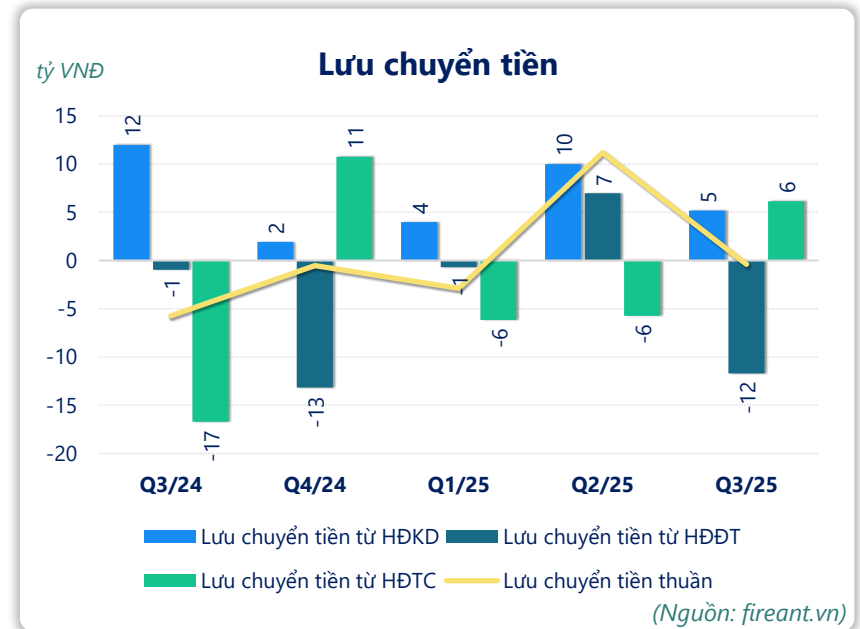
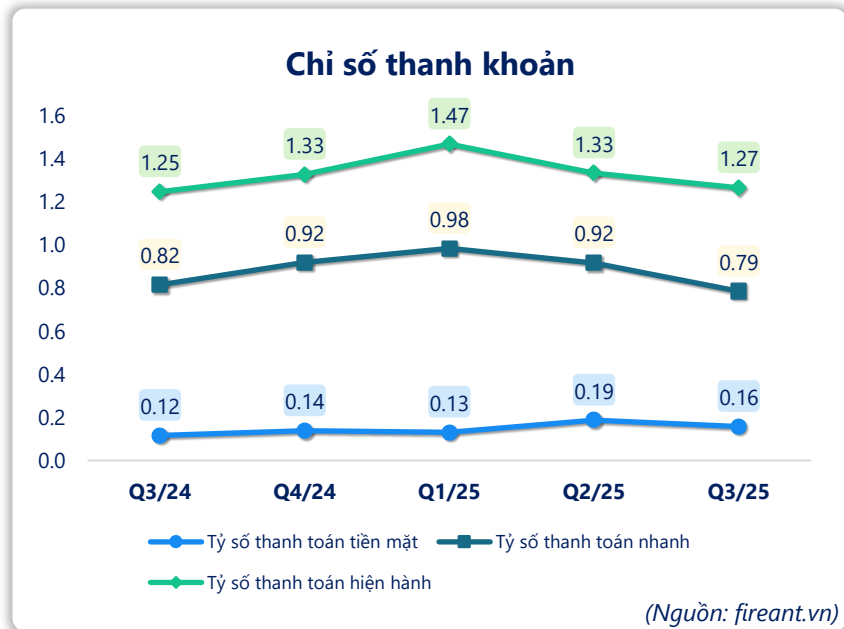
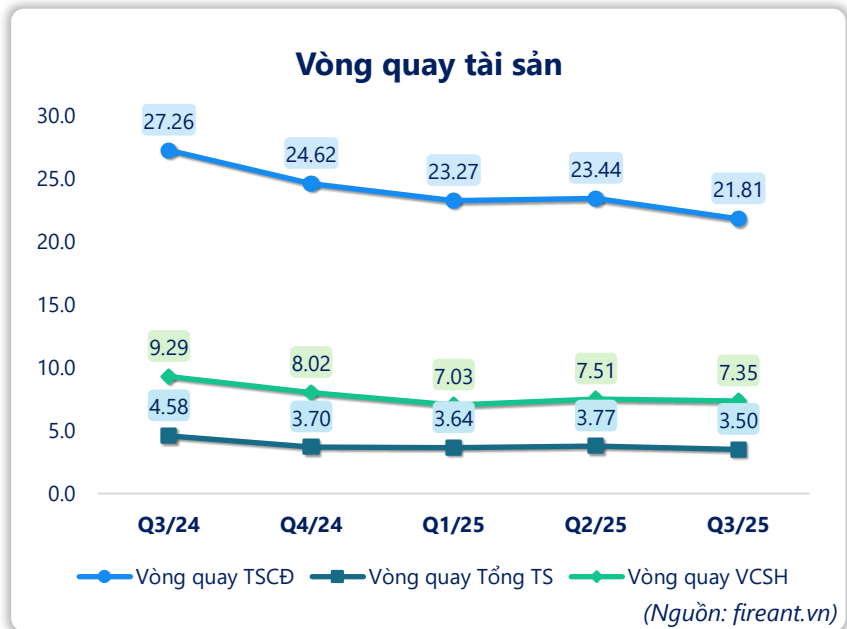
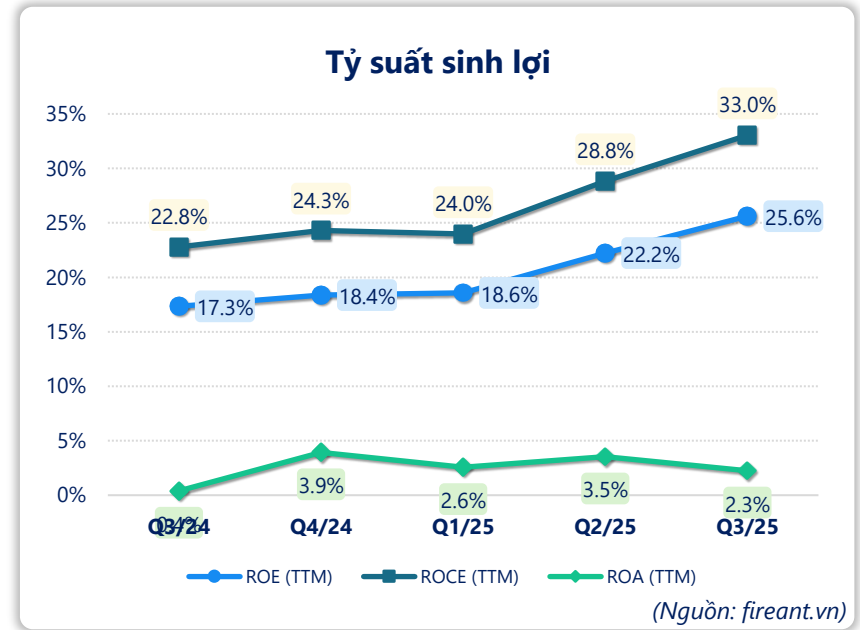
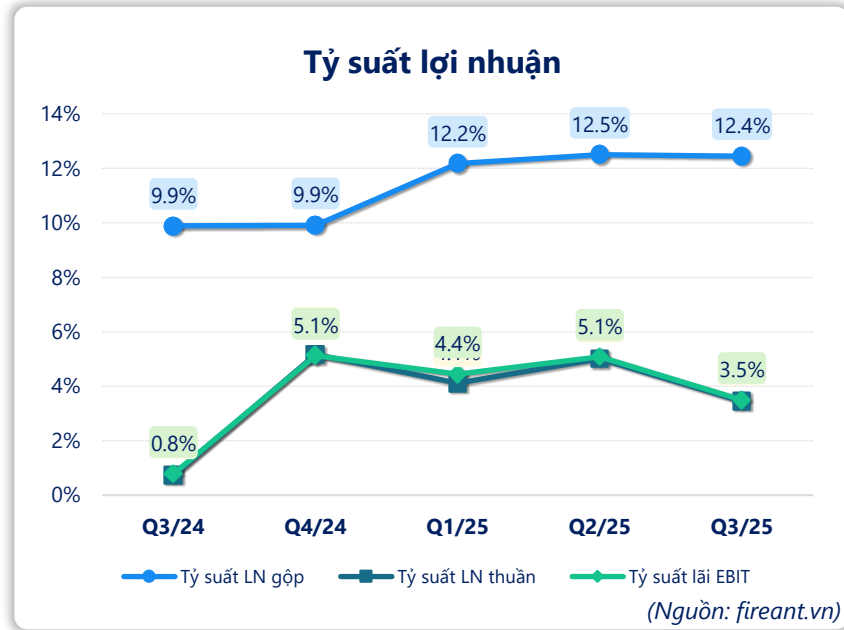
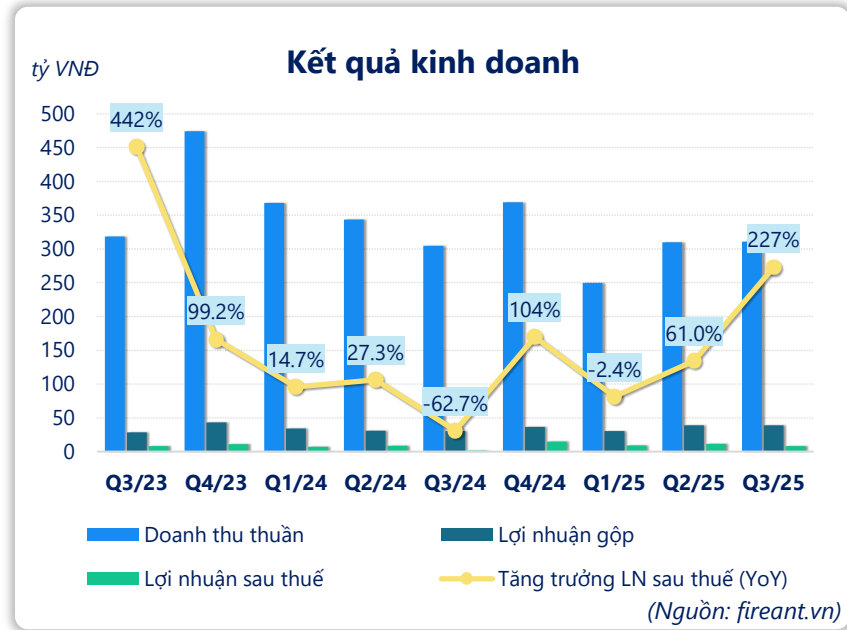


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		35,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		35,692
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		26,285
SL cổ phiếu LH		7,201,772
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,955
% sở hữu nước ngoài		1.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		254
P/E		5.9
EPS		5,997

	YTD	1T	3T	6T
PMS	19.6%	5.7%	5.1%	5.4%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	363	328	10.7%
Tài sản ngắn hạn	231	201	15.0%
Tiền và tương đương tiền	28.8	20.8	38.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	110	117	-6.4%
Hàng tồn kho	87.7	61.8	41.8%
Tài sản ngắn hạn khác	4.65	0.76	509%
Tài sản dài hạn	132	127	3.8%
Phải thu dài hạn	0.27	0.57	-53.1%
Tài sản cố định	61.2	55.7	9.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	25.0	24.4	2.4%
Tài sản dài hạn khác	45.6	46.5	-2.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	185	154	20.5%
Nợ ngắn hạn	183	151	20.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	57.1	42.0	35.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	53.3	65.7	-18.9%
Nợ dài hạn	2.89	2.72	6.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	178	174	2.0%
Vốn chủ sở hữu	178	174	2.0%
Vốn điều lệ	72.3	72.3	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	305	369	250	310	311
Giá vốn hàng bán	275	333	219	271	272
Lợi nhuận gộp	30.1	36.6	30.4	38.7	38.7
Doanh thu HĐTC	0.06	0.26	0.04	0.11	0.03
Chi phí TC	5.12	-3.62	0.79	0.95	0.92
Chi phí lãi vay	0.54	0.55	0.79	0.91	0.76
LN trong công ty LKLD	3.25	1.09	3.49	2.03	2.37
Chi phí bán hàng	8.22	13.5	7.42	14.0	14.3
Chi phí QLDN	17.9	8.94	15.5	10.4	15.1
LN thuần từ HĐKD	2.25	19.1	10.3	15.5	10.7
Lợi nhuận khác	-0.39	-0.70	0.03	-0.68	-0.58
LN trước thuế	1.86	18.4	10.3	14.8	10.1
Lợi nhuận sau thuế	1.30	14.7	8.93	11.6	7.96
LNST của CĐ cty mẹ	1.30	14.7	8.93	11.6	7.96

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	12.0	1.91	3.98	9.97	5.19
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.97	-13.2	-0.69	6.96	-11.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-16.7	10.8	-6.16	-5.75	6.14
Tiền đầu kỳ	26.9	21.2	20.8	18.0	29.2
Lưu chuyển tiền thuần	-5.73	-0.51	-2.87	11.2	-0.38
Ảnh hưởng tỷ giá	0.01	0.17	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	21.2	20.8	18.0	29.2	28.8

(Nguồn: fireant.vn)